

Số: 43a/QĐ-CTK

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-TCTK ngày 31/12/2021; 262/QĐ-TCTK ngày 21/3/2022; 985/QĐ-TCTK ngày 19/10/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao, phân bổ, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 179/TB-TCTK ngày 14/6/2023 của Tổng cục Thống kê về việc thông báo xét duyệt số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán, Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (chi tiết tại các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo cục;
- Tổng cục Thống kê;
- Lưu: VT, KT.


CỤC TRƯỞNG
THỐNG KÊ
TỈNH
ĐỒNG NAI
Trần Quốc Tuấn

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-QT ngày 20/6/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Cẩm Mỹ		Chi cục Thống kê huyện Trảng Bom		Chi cục Thống kê Thị xã Long Khánh	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán thu						
A	Tổng số thu						
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Thu sự nghiệp khác						
B	Chi từ nguồn thu được để lại						
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1.1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
1.2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
C	Số thu nộp NSNN						
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
1.1	Lệ phí						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Cẩm Mỹ		Chi cục Thống kê huyện Trảng Bom		Chi cục Thống kê Thị xã Long Khánh	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1.2	Phí						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	850	850	1.164	1.164	865	865
		850	850	1.164	1.164	865	865
1	Chi quản lý hành chính	529	529	573	573	514	514
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	321	321	591	591	351	351
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Nghiên cứu khoa học						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở</i>						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Cẩm Mỹ		Chi cục Thống kê huyện Trảng Bom		Chi cục Thống kê Thị xã Long Khánh	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi Chương trình mục tiêu						
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia						
11.2	Chi Chương trình mục tiêu						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Xuân Lộc		Chi cục Thống kê Thành phố Biên Hòa		Chi cục Thống kê huyện Vĩnh Cửu	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán thu						
A	Tổng số thu						
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Thu sự nghiệp khác						
B	Chi từ nguồn thu được để lại						
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1.1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
1.2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
C	Số thu nộp NSNN						
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.285	1.285	2.203	2.203	949	949
1	Chi quản lý hành chính	1.285	1.285	2.203	2.203	949	949

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Xuân Lộc		Chi cục Thống kê Thành phố Biên Hòa		Chi cục Thống kê huyện Vĩnh Cửu	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	760	760	998	998	633	633
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	525	525	1.205	1.205	316	316
2	Nghiên cứu khoa học						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở</i>						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Xuân Lộc		Chi cục Thống kê Thành phố Biên Hòa		Chi cục Thống kê huyện Vĩnh Cửu	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi Chương trình mục tiêu						
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia						
11.2	Chi Chương trình mục tiêu						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Thống Nhất		Chi cục Thống kê huyện Trảng		Chi cục Thống kê huyện Định Quán	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán thu						
A	Tổng số thu						
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Thu sự nghiệp khác						
B	Chi từ nguồn thu được để lại						
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1.1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
1.2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
C	Số thu nộp NSNN						
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước						
1	Chi quản lý hành chính	1.027	1.027	975	975	888	888
		1.027	1.027	975	975	888	888

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Thống Nhất		Chi cục Thống kê huyện Nhơn Trạch		Chi cục Thống kê huyện Định Quán	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	765	765	631	631	488	488
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	262	262	344	344	400	400
2	Nghiên cứu khoa học						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học cơ sở</i>						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Thống Nhất		Chi cục Thống kê huyện Trảng Bàng		Chi cục Thống kê huyện Định Quán	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi Chương trình mục tiêu						
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia						
11.2	Chi Chương trình mục tiêu						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú		Chi cục Thống kê huyện Long Thành		Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán thu						
A	Tổng số thu						
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Thu sự nghiệp khác						
B	Chi từ nguồn thu được để lại						
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1.1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
1.2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
C	Số thu nộp NSNN						
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ						
3	Hoạt động sự nghiệp khác						
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	865	865	1.040	1.040	9.729	9.729
1	Chi quản lý hành chính	865	865	1.040	1.040	9.712	9.712

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú		Chi cục Thống kê huyện Long Thành		Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	569	569	571	571	5.634	5.634
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	296	296	469	469	4.078	4.078
2	Nghiên cứu khoa học						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở</i>						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					17	17
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					17	17
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai
Chương: 013

STT	Nội dung	Chi cục Thống kê huyện Tân Phú		Chi cục Thống kê huyện Long Thành		Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi Chương trình mục tiêu						
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia						
11.2	Chi Chương trình mục tiêu						